THỰC TIỄN HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI TẠI VIỆT NAM: BẤT CẬP TRONG ÁP DỤNG ĐIỀU 68 LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI NĂM 2010

NGUYỄN THÙY DUNG
NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH
Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Nhận bài ngày 04/6/2026. Sửa chữa xong 20/7/2026. Duyệt đăng 24/7/2026.

Abstract

This article provides a comprehensive analysis of the legal grounds for setting aside arbitral awards in Vietnam under the 2010 Law on Commercial Arbitration. It examines and evaluates these grounds, with particular emphasis on awards that are "contrary to the fundamental principles of Vietnamese law," which remains one of the most controversial grounds in practice. The article also compares Vietnamese law with international standards, particularly the UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration and the 1958 New York Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards, and analyzes cases in which Vietnamese courts have set aside arbitral awards. Based on this analysis, the article proposes recommendations for improving the relevant legal framework and enhancing the effectiveness and reliability of commercial arbitration in Vietnam.

Keywords: *Commercial arbitration, final and binding arbitral awards, fundamental principles of Vietnamese law, setting aside arbitral awards, UNCITRAL Model Law.*

1. Đặt vấn đề

Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, trọng tài thương mại ngày càng được các bên lựa chọn để giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh. Phương thức này có những ưu điểm phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp như bảo đảm tính bảo mật, cho phép các bên chủ động hơn về thủ tục và tạo thuận lợi cho việc công nhận, thi hành phán quyết theo Công ước New York 1958. Những ưu điểm đó đặc biệt có ý nghĩa đối với các giao dịch thương mại quốc tế.

Việc ban hành Luật Trọng tài thương mại năm 2010 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho sự phát triển của trọng tài thương mại tại Việt Nam. Dù vậy, qua hơn 15 năm áp dụng, quy định về các căn cứ hủy phán quyết tại Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 đã bộc lộ một số hạn chế. Phạm vi của các căn cứ này tương đối rộng và có nhiều khoảng trống dẫn đến việc Tòa án có thể hủy phán quyết trọng tài và ảnh hưởng đến tính chung thẩm cũng như hiệu lực cuối cùng của phán quyết trọng tài. Những năm gần đây số phán quyết trọng tài bị hủy có xu hướng tăng làm cộng đồng doanh nghiệp và đội ngũ Trọng tài viên lo ngại về tính ổn định của pháp luật, từ đó tác động không thuận lợi đến niềm tin của nhà đầu tư.

Cách tiếp cận này có điểm khác so với Luật Mẫu UNCITRAL và Công ước New York 1958: Luật Mẫu UNCITRAL giới hạn chặt chẽ các căn cứ hủy phán quyết nhằm bảo đảm nguyên tắc chung thẩm; còn Công ước New York 1958 chỉ ghi nhận những trường hợp cụ thể mà Tòa án có thể từ chối công nhận và cho thi hành phán quyết. Chính trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện về căn cứ hủy phán quyết trọng tài tại Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010, đối chiếu với chuẩn mực quốc tế, phân tích bất cập từ thực tiễn áp dụng, từ đó đưa ra định hướng hoàn thiện là vấn đề

Email: nguyenthuydunglawyer@gmail.com

vừa mang tính lý luận vừa có giá trị thực tiễn cao. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần hoàn thiện khung pháp lý về trọng tài thương mại ở Việt Nam mà còn tạo tiền đề nâng cao niềm tin của nhà đầu tư, thúc đẩy phát triển môi trường kinh doanh minh bạch, ổn định và phù hợp với cam kết hội nhập quốc tế.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Căn cứ hủy phán quyết trọng tài theo Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và so sánh với pháp luật quốc tế

2.1.1. Căn cứ hủy phán quyết trọng tài theo Điều 68 Luật Trọng tài thương mại 2020

Theo quy định tại Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (Quốc hội, 2010), phán quyết trọng tài có thể bị Tòa án xem xét hủy khi có đơn yêu cầu từ một trong các bên tranh chấp. Phán quyết sẽ bị hủy nếu thuộc một trong 6 căn cứ được phân tích chi tiết dưới đây:

a. Không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu

Nguyên tắc nền tảng của trọng tài là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên. Nếu không có thỏa thuận này, Hội đồng trọng tài sẽ không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Tương tự, nếu thỏa thuận trọng tài đã được thiết lập nhưng sau đó được Tòa án xác định là vô hiệu đối với các trường hợp được quy định tại Điều 18 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (ví dụ, do được ký kết bởi một bên không có năng lực hành vi dân sự hoặc do vi phạm các quy định về hình thức, nội dung của thỏa thuận) thì phán quyết dựa trên thỏa thuận đó cũng sẽ không có giá trị pháp lý. Đây là căn cứ đầu tiên và cơ bản nhất để Tòa án can thiệp vào phán quyết.

b. Thành phần Hội đồng trọng tài, thủ tục tố tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với pháp luật

Theo điểm b Khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP căn cứ này là trường hợp các bên có thỏa thuận về thành phần Hội đồng trọng tài, quy tắc tố tụng trọng tài nhưng Hội đồng trọng tài thực hiện không đúng thỏa thuận của các bên hoặc Hội đồng trọng tài thực hiện không đúng quy định Luật Trọng tài thương mại về nội dung này mà Tòa án xét thấy đó là hành vi vi phạm nghiêm trọng và cần phải hủy nếu Hội đồng trọng tài không thể khắc phục được hoặc không khắc phục theo yêu cầu của Tòa án quy định tại Khoản 7 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, 2014). Căn cứ này nhằm đảm bảo rằng quá trình giải quyết tranh chấp diễn ra theo đúng những gì các bên đã thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật. Nếu thành phần Hội đồng trọng tài không được thành lập đúng cách (ví dụ, số lượng thành viên không phù hợp hoặc Trọng tài viên không đáp ứng tiêu chuẩn) hoặc thủ tục tố tụng vi phạm các quy định (ví dụ, không thông báo hợp lệ cho các bên), phán quyết có thể bị hủy. Tuy nhiên, các quy định này được đánh giá là còn chưa rõ ràng, dẫn đến việc áp dụng thiếu thống nhất trong thực tiễn.

c. Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài

Căn cứ này là trường hợp Hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực không thuộc thẩm quyền của Trọng tài quy định tại Điều 2 Luật Luật Trọng tài thương mại năm 2010 hoặc Hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp mà không được các bên thỏa thuận yêu cầu Trọng tài giải quyết hoặc giải quyết vượt quá phạm vi của thỏa thuận đưa ra Trọng tài giải quyết. Về nguyên tắc, Tòa án chỉ hủy phần quyết định có nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài mà không hủy phán quyết trọng tài. Trường hợp có thể tách được phần quyết định của Hội đồng trọng tài về vấn đề đã được yêu cầu và phần quyết định về vấn đề không được yêu cầu giải quyết tại trọng tài thì phần quyết định về vấn đề được yêu cầu giải quyết không bị hủy. Trường hợp không thể tách được phần quyết định của Hội đồng trọng tài về vấn đề đã được yêu cầu và phần quyết định về vấn đề không được yêu cầu giải quyết tại Trọng tài thì Tòa án hủy phán quyết trọng tài đó.

Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài được giới hạn bởi phạm vi tranh chấp mà các bên đã thống nhất đưa ra giải quyết. Nếu Hội đồng trọng tài giải quyết một vụ việc nằm ngoài thẩm quyền của

mình, phán quyết đó có thể bị hủy. Một điểm đáng lưu ý là Tòa án tôn trọng học thuyết Kompetenz-Kompetenz, theo đó, Hội đồng trọng tài có quyền tự quyết định về thẩm quyền của mình. Sự can thiệp của Tòa án chỉ diễn ra sau khi phán quyết đã được ban hành nhằm kiểm tra lại quyết định về thẩm quyền của Hội đồng trọng tài.

d. Chứng cứ giả mạo hoặc trọng tài viên nhận lợi ích vật chất

Căn cứ này liên quan trực tiếp đến tính khách quan, công bằng và liêm chính của quá trình tố tụng trọng tài. Phán quyết sẽ bị hủy nếu chứng cứ mà Hội đồng trọng tài dựa vào để ra quyết định là giả mạo hoặc nếu có bằng chứng cho thấy trọng tài viên đã nhận tiền, tài sản hay bất kỳ lợi ích vật chất nào khác từ một bên tranh chấp. Đây là một căn cứ quan trọng để đảm bảo tính đúng đắn và uy tín của phán quyết.

e. Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam

Đây là căn cứ gây tranh cãi và bị lạm dụng nhiều nhất trong thực tiễn xét xử tại Việt Nam. Căn cứ này cho phép Tòa án giám sát phán quyết trọng tài về mặt nội dung, không chỉ là hình thức tố tụng. Tòa án có quyền quyết định hủy phán quyết nếu phán quyết đó vi phạm các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam. Điểm đặc biệt của căn cứ này là Tòa án có trách nhiệm chủ động xác minh và thu thập chứng cứ để quyết định hủy hay không hủy phán quyết, ngay cả khi bên yêu cầu không thể chứng minh đầy đủ.

Căn cứ "trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam" là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự gia tăng của các phán quyết bị hủy. Sự thiếu rõ ràng và thiếu nhất quán trong cách diễn giải của Tòa án đã tạo ra một môi trường pháp lý thiếu tính dự đoán. Ví một vụ việc hủy phán quyết trọng tài:

Vụ việc Hủy phán quyết số 04/2020/QĐ-PQTT ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội: Trong vụ tranh chấp về thỏa thuận mua bán cổ phần, Tòa án đã chấp nhận yêu cầu của Công ty B và hủy phán quyết trọng tài với căn cứ Hội đồng trọng tài chưa thu thập đầy đủ chứng cứ dẫn tới phán quyết của Hội đồng trọng tài chưa đảm bảo sự vô tư, khách quan nên đã vi phạm khoản 2, khoản 3 Điều 14 Luật Trọng tài thương mại 2010. Việc Tòa án can thiệp để yêu cầu Hội đồng trọng tài phải làm những việc thuộc về nội dung tranh chấp như thu thập chứng cứ đã cho thấy quyết định này đã sử dụng một lỗi tố tụng là vi phạm nguyên tắc cơ bản.

Căn cứ "trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam" đã được hương dẫn tại điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP (Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, 2014): *"Khi xem xét yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, Tòa án phải xác định được phán quyết trọng tài có vi phạm một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản của pháp luật và nguyên tắc đó có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp của Trọng tài.*

Tòa án chỉ hủy phán quyết trọng tài sau khi đã chỉ ra được rằng phán quyết trọng tài có nội dung trái với một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam mà Hội đồng trọng tài đã không thực hiện nguyên tắc này khi ban hành phán quyết trọng tài và phán quyết trọng tài xâm phạm nghiêm trọng lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của một hoặc các bên, người thứ ba", ví dụ như Hội đồng trọng tài không ghi nhận sự thỏa thuận của các bên hoặc phán quyết trọng tài được lập có sự cưỡng ép, lừa dối, đe dọa hoặc hối lộ... Tuy nhiên, trong hướng dẫn vẫn thiếu vẫn thiếu tiêu chí khách quan, dẫn đến khả năng diễn giải khác nhau tùy vào nhận định của từng Hội đồng xét đơn. Thực tế có vụ việc, Tòa án dựa vào nguyên tắc bình đẳng, công bằng trong Bộ luật Dân sự để hủy phán quyết, trong khi về bản chất, đó là những vấn đề đánh giá nội dung chứng cứ, vốn là thẩm quyền cuối cùng của Hội đồng trọng tài. Điều này làm mờ ranh giới giữa xem xét thủ tục tố tụng và xem xét lại nội dung vụ việc.

2.1.2. So sánh với thông lệ quốc tế

*a. Các c*ăn cứ *hủy phán quyết theo Luật Mẫu UNCITRAL (AML)*

Luật Mẫu UNCITRAL về Trọng tài Thương mại Quốc tế năm 1985, được sửa đổi năm 2006 là một khung pháp lý quy định về trọng tài trên toàn cầu, dựa trên nguyên tắc cốt lõi là sự can thiệp tối thiểu của Tòa án. Điều 34 của AML quy định các căn cứ hủy phán quyết một cách rõ ràng và chặt chẽ, được chia thành hai nhóm chính: - Nhóm các căn cứ phải được bên yêu cầu chứng minh: bao gồm (i) một

bên trong thỏa thuận trọng tài không có năng lực pháp lý hoặc thỏa thuận vô hiệu; (ii) bên yêu cầu không được thông báo hợp lệ về thủ tục hoặc không có cơ hội trình bày vụ việc; (iii) phán quyết vượt quá phạm vi tranh chấp; (iv) thành phần Hội đồng hoặc thủ tục trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc với AML; - Nhóm các căn cứ Tòa án tự xác định: bao gồm (i) đối tượng của tranh chấp không thể giải quyết bằng trọng tài theo pháp luật quốc gia và (ii) phán quyết trái với chính sách công (public policy) của quốc gia đó.

Một điểm khác biệt quan trọng giữa AML và Luật Trọng tài thương mại Việt Nam là cơ chế remission (tạm ngừng thủ tục hủy). Theo đó, Tòa án, khi được yêu cầu hủy phán quyết, có thể tạm ngừng thủ tục trong một khoảng thời gian nhất định để cho Hội đồng trọng tài có cơ hội sửa chữa các sai sót tố tụng hoặc thực hiện các hành động cần thiết khác để khắc phục căn cứ hủy bỏ. Cơ chế này giúp bảo vệ tính hiệu quả và cuối cùng của phán quyết trọng tài, tránh việc hủy bỏ một cách không cần thiết chỉ vì các lỗi tố tụng nhỏ.

b. Các căn cứ từ chối công nhận và cho thi hành theo Công ước New York 1958 (NYC)

Công ước New York 1958 được Việt Nam gia nhập vào năm 1995 và là nền tảng cho việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài trên toàn cầu (Liên Hợp Quốc,1958). Mục tiêu chính của Công ước là tạo ra một tiêu chuẩn pháp lý chung, loại bỏ các rào cản hành chính và pháp lý trong việc thi hành phán quyết trọng tài quốc tế. Điều V của Công ước quy định các căn cứ duy nhất để Tòa án từ chối công nhận và thi hành phán quyết trọng tài. Điều V của Công ước quy định các căn cứ duy nhất để Tòa án từ chối công nhận và thi hành phán quyết trọng tài. Xét về nội dung, các căn cứ tại Điều V có nhiều điểm gần với Điều 34 AML và Điều 68 Luật Trọng tài thương mại Việt Nam năm 2010. Các trường hợp được ghi nhận gồm: một bên mất năng lực hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu; bên tham gia không được thông báo hợp lệ hoặc không có cơ hội trình bày; phán quyết vượt quá thẩm quyền; thành phần Hội đồng trọng tài hay thủ tục tố tụng không phù hợp; phán quyết đã bị hủy tại quốc gia nơi phán quyết được tuyên; đối tượng tranh chấp không thể giải quyết bằng trọng tài hoặc việc công nhận, thi hành phán quyết trái với chính sách công.

Các căn cứ này được được AML và NYC xây dựng trên tinh thần Tòa án chỉ can thiệp khi xuất hiện vi phạm nghiêm trọng, chủ yếu về tố tụng và không xem xét lại nội dung tranh chấp. Trong khi đó, thực tiễn ở Việt Nam cho thấy phạm vi kiểm soát có thể rộng hơn, nhất là khi Tòa án áp dụng căn cứ phán quyết "trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam".

Trong thông lệ quốc tế, chính sách công thường được giải thích theo nghĩa hẹp và chỉ được viện dẫn khi phán quyết trọng tài xâm phạm nghiêm trọng những chuẩn mực đạo đức hoặc trật tự xã hội căn bản của quốc gia. Trong khi pháp luật Việt Nam sử dụng khái niệm "nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam" khi chưa có định nghĩa và tiêu chí nhận diện rõ ràng. Điều này dẫn đến những cách giải thích khác nhau của tòa án và tạo ra rủi ro pháp lý cho các bên tranh chấp, nhất là nhà đầu tư nước ngoài chưa quen với bối cảnh chính trị - xã hội của Việt Nam. Quyền chủ động xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án khi xem xét căn cứ này có thể khiến hoạt động giám sát thủ tục trọng tài tiến gần đến việc xem xét lại nội dung phán quyết. Thay vì dừng ở việc kiểm tra có hay không một vi phạm tố tụng nghiêm trọng, Tòa án có thể phải đánh giá các tình tiết của vụ việc để xác định phán quyết có trái với một "nguyên tắc cơ bản" hay không. Nếu phạm vi đánh giá không được giới hạn chặt chẽ, Tòa án có thể trở thành một cấp xem xét lại phán quyết, trong khi phán quyết trọng tài có giá trị chung thẩm. Điều đó làm giảm hiệu quả vốn có của phương thức trọng tài.

Qua những vụ việc đã phân tích, thực tiễn giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài tại Việt Nam cho thấy một số vấn đề sau đây: 1) Các căn cứ hủy phán quyết được vận dụng trên phạm vi tương đối rộng. Khi xem xét phán quyết, Tòa án đã viện dẫn nhiều căn cứ khác nhau tại Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010, từ hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, thẩm quyền của Hội đồng trọng tài, việc tuân thủ thủ tục tố tụng cho đến căn cứ "trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam". Như vậy, phán quyết trọng tài có thể chịu sự kiểm soát ở nhiều phương diện; 2) Mức độ can thiệp của Tòa án trong một số trường hợp đã đi sâu vào nội dung phán quyết trọng tài. Do căn cứ "nguyên tắc cơ bản

của pháp luật Việt Nam" có nội hàm rộng và được giải thích tương đối linh hoạt, phạm vi xem xét có thể bao gồm cả những vấn đề gắn với nội dung tranh chấp chứ không chỉ dừng ở việc kiểm tra thủ tục tố tụng. Hệ quả là tính chung thẩm vốn là ưu thế nổi bật của trọng tài lại không được đảm bảo; 3) Nguy cơ thiếu nhất quán trong áp dụng pháp luật. Sự khác biệt trong cách xác định bản chất quan hệ tranh chấp giữa Hội đồng trọng tài và Tòa án (ví dụ giữa quan hệ thương mại với quan hệ hôn nhân - gia đình hoặc lao động) phản ánh sự chưa thống nhất trong cách tiếp cận. Điều này dẫn đến việc khó dự đoán của kết quả xét xử, ảnh hưởng đến niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư vào cơ chế trọng tài tại Việt Nam.

2.2. Thực tiễn quyết định hủy phán quyết trọng tài tại Tòa án

Tuy chưa có số liệu thống kê cụ thể gần đây nhưng số lượng phán quyết trọng tài bị hủy ngày càng tăng, Thực tiễn này đi ngược lại mục tiêu ban đầu của Luật Trọng tài thương mại là tạo hành lang pháp lý để trọng tài phát triển, đồng thời làm suy giảm nghiêm trọng niềm tin của các doanh nghiệp và nhà đầu tư vào phương thức giải quyết tranh chấp này tại Việt Nam. Sau đây là một số ví dụ điển hình: 1) Quyết định số 868/2023/QĐ-PQTT (Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2023), Tòa án hủy phán quyết của VIAC với lập luận rằng Hội đồng trọng tài đã vi phạm thủ tục tố tụng trọng tài khi không bảo đảm quyền được trình bày và tiếp cận chứng cứ của bị đơn. Điểm đáng chú ý là Tòa án viện dẫn khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (vi phạm thủ tục tố tụng dẫn đến ảnh hưởng đến quyền lợi cơ bản của một bên). Đây là ví dụ cho thấy sự nhấn mạnh của Tòa án vào khía cạnh thủ tục, thay vì nội dung phán quyết; 2) Quyết định số 2515/2023/QĐ-PQTT (Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2023). Trong vụ này, phán quyết trọng tài bị hủy do vi phạm thủ tục tố tụng quy định tại khoản 2 Điều 12 và điểm b khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại 2010. Hội đồng trọng tài đã tống đạt thông báo cho bị đơn theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp dẫn đến việc bị đơn không nhận được các văn bản tố tụng nên không đảm bảo được các quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; 3) Quyết định số 35/2025/QĐ-PQTT (Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2025). Vụ việc liên quan đến tranh chấp phân chia hoa hồng từ hợp đồng bán hàng đa cấp giữa hai cá nhân từng là vợ chồng. Hội đồng trọng tài VIAC coi đây là tranh chấp thương mại; tuy nhiên, Tòa án nhận định đây có yếu tố chia tài sản chung vợ chồng, vốn thuộc thẩm quyền của Tòa án và hủy phán quyết trọng tài. Điểm đặc biệt là sự khác biệt trong cách phân loại quan hệ pháp luật: trọng tài hướng tới bản chất "kinh doanh thương mại", còn Tòa án thiên về cách tiếp cận "tư pháp gia đình". Điều này cho thấy sự bất nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật, gây rủi ro cho tính chung thẩm của trọng tài; 4) Theo Quyết định số 755/2018/QĐ-PQTT (Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2018). Tòa án hủy phán quyết trọng tài của VIAC liên quan đến thỏa thuận bảo mật và không cạnh tranh giữa doanh nghiệp và người lao động. Căn cứ trong quyết định này được đưa ra phán quyết trọng tài trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam khi buộc người lao động bồi thường vượt quá mức hợp lý và hạn chế quyền tự do nghề nghiệp. Xuất phát từ hạn chế liên quan đến việc vận dụng khái niệm "nguyên tắc cơ bản" còn chưa rõ ràng và thống nhất.

2.3. Một số đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật về hủy phán quyết trọng tài

Để khắc phục những bất cập trên, tác giả đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật như sau:

Thứ nhất, về nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, cần có văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn cụ thể để định nghĩa về khái niệm "nguyên tắc cơ bản" và liệt kê, hướng dẫn các nguyên tắc cơ bản này. Hoặc xây dựng các án lệ dựa trên các vụ việc điển hình đã được giải quyết trước đó làm cơ sở để Tòa án áp dụng cho các vụ việc sau này. Mục đích của điều này giúp Tòa án trên cả nước xử lý, áp dụng một cách thống nhất, đồng bộ, tránh tình trạng mỗi người hiểu và áp dụng khác nhau. Bên cạnh đó cũng ngăn chặn việc áp dụng một cách tùy tiện, bừa bãi các căn cứ ngày để hủy phán quyết

Thứ hai, Bổ sung cơ chế cho phép Tòa án tạm dừng quá trình xem xét hủy phán quyết:*"Pháp luật cần bổ sung quy định cho phép Tòa án tạm ngừng thủ tục xem xét đơn yêu cầu hủy phán quyết để Hội đồng trọng tài có cơ hội sửa chữa các sai sót tố tụng nhỏ*" (Nguyễn Thị Thu Vân, 2024). Trong thời gian tạm dừng hủy phán quyết này mục đích là để Hội đồng trọng tài có cơ hội tự xem xét, sửa chữa những sai

sót trong quá trình tố tụng. Điều này sẽ giúp các bên tiết kiệm được thời gian, giảm thiểu các trường hợp hủy phán quyết sai, không cần thiết, bảo vệ kết quả giải quyết tranh chấp tại trọng tài thương mại.

Thứ ba, hiện nay, khi Tòa án quyết định hủy phán quyết trọng tài thì quyết định đó là kết quả cuối cùng mà các bên cần phải chấp nhận. Pháp luật cần được xây dựng cơ chế cho phép các bên có quyền kháng cáo hoặc Viện kiểm sát có quyền kháng nghị lại quyết định đó của Tòa án. Việc xây dựng cơ chế này với nguyên tắc chặt chẽ về thời gian, phạm vi và giới hạn trong những trường hợp đặc biệt để đảm bảo tính công bằng trong hủy phán quyết của Tòa án.

3. Kết luận

Pháp luật Việt Nam về hủy phán quyết trọng tài, đặc biệt là các quy định tại Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (Quốc hội, 2010) cơ bản đã theo chuẩn mực, tương đồng với quốc tế như Luật Mẫu UNCITRAL và Công ước New York 1958 và đã đánh dấu một bước tiến trong hoàn thiện khung pháp lý về giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án tại Việt Nam. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng, các quy định về căn cứ hủy phán quyết trọng tài đã bộc lộ nhiều bất cập. Do đó, để phát huy vai trò của phương thức giải quyết tranh chấp từ trọng tài thương mại, việc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành là yêu cầu cần thiết giúp cho vấn đề này được tương đồng hơn với pháp luật quốc tế, minh bạch hóa và khắc phục những sai sót để xây dựng một môi trường pháp lý trọng tài ổn định, vững chắc.

Tài liệu tham khảo

Liên Hợp Quốc (1958). *Công ước New York năm 1958 (Công ước về công nhận và thi hành các quyết định trọng tài nước ngoài)*. Thông qua ngày 10/6/1958.

Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2014). *Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP, ngày 20/3/2014 hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại.*

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2018). *Quyết định số 755/2018/QĐ-PQTT, ngày 12/6/2018 về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.*

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2023). *Quyết định số 868/2023/QĐ-PQTT, ngày 05/6/2023 giải quyết việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài thương mại.*

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2023). *Quyết định số 2515/2023/QĐ-PQTT, ngày 29/11/2023 về việc hủy phán quyết trọng tài.*

Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2025). *Quyết định số 35/2025/QĐ-PQTT, ngày 26/02/2025 về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.*

Nguyễn Thị Thu Vân (2024). *Hủy phán quyết trọng tài vì lý do "trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam": Thực trạng, bất cập và hướng hoàn thiện*. https://lsvn.vn/huy-phan-quyet-trong-tai-vi-ly-do-trai-voi-cac-nguyen-tac-co-ban-cua-phap-luat-viet-nam-thuc-trang-bat-cap-va-huong-hoan-thien-1721140607-a145444.html, ngày 17/7/2024.

Quốc hội (2010). *Luật Trọng tài thương mại*. Luật số 54/2010/QH12, ngày 17/6/2010.

Quốc hội (2015). *Bộ luật Tố tụng dân sự*. Luật số 92/2015/QH13, ngày 25/11/2015.

Ủy ban Liên hiệp quốc (1985). Luật Mẫu UNCITRAL về Trọng tài Thương mại Quốc tế (UNCITRAL Model Law).